

Tăng tỷ trọng

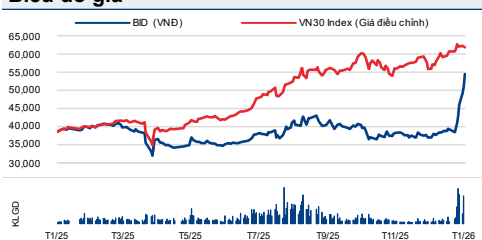
Giá mục tiêu: VNĐ41,900

Tiềm năng tăng/giảm: -23.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/1/2026)	54,500
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,093-54,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	51,583
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	375,887
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	14,305
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,897
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,069
Slg CP NN được mua (tr.đv)	877
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (81.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,761	3,054	3,414
Dư nợ cho vay (ntđ)	2,056	2,364	2,696
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	81.1	81.7	90.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	25.5	29.8
BVPS (đồng)	20,250	23,088	26,615
EPS (đồng)	3,663	3,666	4,196
DPS (đồng)	0	450	450
T.trưởng cho vay KH (%)	15.7	15.0	14.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	10.6	0.85	11.2
Tăng trưởng EPS (%)	16.2	0.10	14.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	12.3	10.7
ROAE (%)	19.6	16.9	16.9
ROAA (%)	1.00	0.88	0.92
Tỷ lệ NIM (%)	2.43	2.18	2.32
Tỷ lệ CIR (%)	34.5	33.5	31.0
Hệ số CAR (%)	9.20	9.08	9.61
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.41	1.60	2.25
LLR/nợ xấu (%)	131	106	69.2
Hệ số LDR (%)	105	106	106
P/B (lần)	2.69	2.36	2.05
P/E (lần)	14.9	14.9	13.0
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.83	0.83

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Phát hành riêng lẻ đợt 2 + KQKD Q4 vượt kỳ vọng

- BID công bố thương vụ phát hành riêng lẻ 264 triệu cổ phiếu, tương đương 3,76% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, cho 33 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với giá chào bán 38.900đ/cp (tương đương P/B năm 2025 là 1,68 lần), dự kiến thu về 10,2 nghìn tỷ đồng, ước tính bằng 6,2% vốn CSH năm 2025.
- Ngân hàng cũng công bố KQKD sơ bộ năm 2025 khả quan với LNTT đạt 36 nghìn tỷ VND, tăng trưởng 12,5% và vượt dự báo của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 38% kể từ đầu năm nhờ tâm lý tích cực xung quanh thương vụ phát hành riêng lẻ, Nghị quyết 79 của Chính phủ cùng KQKD Q4/2025 khả quan, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 2,04 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố thương vụ phát hành riêng lẻ đợt 2 vào ngày 14/1/2026

Ngày 14/1/2026, BID đã công bố thương vụ phát hành riêng lẻ 264 triệu cổ phiếu (3,76% số lượng cổ phiếu đang lưu hành), qua đó hoàn tất kế hoạch huy động vốn giai đoạn 2025-2026 của BID. Số tiền thu về sẽ sử dụng để nâng cao nền vốn và cải thiện hệ số CAR của BID. Trước đó, BID đã hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ đầu tiên vào Q1/2025 với 128 triệu cổ phiếu được phát hành (tương đương 1,79% tổng số cổ phiếu đang lưu hành).

Những thông tin quan trọng về đợt phát hành thứ 2

BID đã công bố những điều khoản như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 264 triệu cổ phiếu, tương đương 3,76% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. BID sẽ gần như hoàn tất kế hoạch phát hành đã được phê duyệt tại ĐHCĐ năm 2025 (3,84% số lượng cổ phiếu đang lưu hành).
- Giá phát hành: 38.900đ/cp, tương đương P/B năm 2025 là 1,68 lần và P/B dự phóng năm 2026 là 1,45 lần – tương đương đợt phát hành đầu tiên trong Q1/2025 và thấp hơn định giá của đợt phát hành chiến lược năm 2019 (1,8 lần).
- Số tiền thu được: 10.272 tỷ đồng, tương đương khoảng 6,2% vốn CSH năm 2025. Nguồn vốn bổ sung này dự kiến sẽ giúp hệ số CAR của BID tăng 0,5 điểm phần trăm từ 9% tại thời điểm cuối Q4/2025 (theo KQKD sơ bộ của BID).
- Các nhà đầu tư tham gia: 33 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, chủ yếu là các công ty quản lý quỹ.
- Thời điểm phát hành: Dự kiến hoàn tất vào cuối Q1/2026, phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Một năm. Tuy nhiên, cổ phiếu có thể được chuyển nhượng thông qua giao dịch thỏa thuận cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp khác trong thời gian hạn chế giao dịch.

SCIC tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu BID lên 1,77% (từ 0,55% sau đợt phát hành đầu tiên), phản ánh những nỗ lực hỗ trợ tài chính của Chính phủ cho BID. Tỷ lệ sở hữu của các bên liên quan khác như sau:

- Sau đợt phát hành thứ 2, tỷ lệ sở hữu của NHNN giảm xuống 76,66% từ 79,55%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tăng lên 18,31% từ 17,35%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/1.

(Xem tiếp trang 2)

KQKD sơ bộ cả năm 2025

Ngày 8/1/2026, BID đã công bố KQKD sơ bộ năm 2026, những kết quả chính như sau:

- LNTT hợp nhất: 36.000 tỷ đồng, tăng trưởng 12,5% và bằng 110% dự báo cả năm của chúng tôi. Theo đó, LNTT Q4/2025 ước tính đạt 12.400 tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi (9.000 tỷ đồng) và cũng vượt trội so với dự báo của thị trường.
- Dự nợ tín dụng: 2,3 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 15,2%.
- Tổng vốn huy động: 2,4 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 13,7%.
- Tỷ lệ nợ xấu: Giảm xuống 1,2% từ 1,87% tại thời điểm cuối Q3/2025.
- Vốn CSH Ngân hàng mẹ: 163 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 19,6%.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Giá cổ phiếu BID đã tăng 38% kể từ đầu năm, có thể nhờ tâm lý tích cực xung quanh thương vụ phát hành riêng lẻ, Nghị quyết số 79-NQ/TW (Nghị quyết Bộ Chính trị về phát triển khu vực kinh tế nhà nước, nhấn mạnh vai trò chiến lược của các doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả các NHTM có vốn nhà nước)) và KQKD sơ bộ Q4/2025 tích cực.

BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 2,04 lần, cao hơn 44% so với bình quân nhóm NHTM ở mức 1,42 lần nhưng vẫn thấp hơn VCB (2,24 lần, khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu 72.900đ). Đáng chú ý, thặng dư định giá của BID so với bình quân ngành đã tăng mạnh từ khoảng 10% tại thời điểm cuối năm 2025. Trong khi đó, chênh lệch định giá của BID so với bình quân dài hạn (kể từ năm 2019) đã tăng lên 1 độ lệch chuẩn, mức định giá lại đáng kể so với thấp hơn 1,4 độ lệch chuẩn tại thời điểm cuối năm 2025.

Sau khi (i) định giá lại nhanh chóng, (ii) hoàn tất phát hành sắp tới và (iii) KQKD sơ bộ cả năm 2025, HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, giá mục tiêu và khuyến nghị cho BID.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	153	138	150	180	211
Chi phí lãi	(96.6)	(80.3)	(89.9)	(108)	(127)
Thu nhập lãi thuần	56.4	58.0	59.9	72.0	83.6
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.57	7.07	6.72	7.55	8.46
Lãi thuần HĐ KDNH	4.71	5.36	4.83	5.21	5.63
Lãi/lỗ từ mua bán CK	3.18	5.18	1.81	0.64	0.68
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.35	0.45	0.53	0.58	0.64
Thu nhập khác	2.08	4.99	7.99	4.94	5.14
Tổng thu nhập HĐ	73.3	81.1	81.7	90.9	104
Chi phí HĐ	(25.1)	(28.0)	(27.4)	(28.2)	(30.0)
LN trước dự phòng	48.2	53.1	54.4	62.7	74.1
Chi phí dự phòng	(20.6)	(21.1)	(21.8)	(24.6)	(29.1)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	27.6	32.0	32.6	38.0	45.0
Chi phí thuế TNDN	(5.61)	(6.26)	(6.52)	(7.61)	(9.00)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.30)	(0.47)	(0.56)	(0.67)	(0.81)
Lợi nhuận thuần	21.7	25.3	25.5	29.8	35.2
EPS (đồng)	3,151	3,663	3,666	4,196	4,834
DPS (đồng)	0	0	450	450	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,898	6,898	6,959	7,092	7,281
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,021	7,162	7,401
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,021	7,162	7,401

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	11.0	10.8	8.97	7.17	7.65
Tiền gửi tại NHNN	51.6	92.3	80.2	81.2	86.0
Tiền gửi tại các TCTD khác	212	280	286	291	297
Chứng khoán kinh doanh	6.97	12.7	13.6	14.7	16.0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.67	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,737	2,018	2,324	2,654	3,001
Tổng dư nợ cho vay	1,778	2,056	2,364	2,696	3,046
Dự phòng rủi ro	(40.4)	(38.0)	(40.2)	(42.0)	(45.2)
Chứng khoán đầu tư	222	278	273	297	323
CK đầu tư sẵn sàng để bán	128	158	158	170	184
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.7	121	115	127	139
Dự phòng rủi ro	(0.90)	(1.20)	(0.38)	(0.35)	(0.33)
Đầu tư dài hạn	3.11	3.42	3.46	3.49	3.53
Tài sản cố định	11.1	12.1	12.7	13.4	14.0
Tài sản khác	45.5	52.9	52.9	52.9	52.9
Tổng tài sản	2,301	2,761	3,054	3,414	3,801
Nợ phải trả	2,178	2,616	2,887	3,218	3,573
Tiền gửi của NHNN	35.9	168	168	182	200
Tiền gửi của các TCTD khác	182	233	221	224	226
Tổng tiền gửi KH	1,704	1,953	2,227	2,538	2,868
Trái phiếu và CCTG	189	199	203	207	211
Nợ khác	53.5	50.5	55.5	55.5	55.5
Vốn chủ sở hữu	118	140	162	191	228
Vốn điều lệ	57.0	69.0	70.2	71.6	74.0
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	15.4	18.9	23.1	30.5
Lợi nhuận giữ lại	33.6	36.2	53.7	72.2	94.7
Quỹ & vốn khác của CSH	11.7	18.7	19.3	23.6	28.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.97	5.23	5.36	5.58	0.27
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,301	2,761	3,054	3,414	3,801
BVPS (đồng)	17,100	20,250	23,088	26,615	30,802

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.50	20.0	10.6	11.8	11.3
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.8	15.7	15.0	14.0	13.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.7	14.6	14.0	14.0	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	16.1	13.6	12.9	13.0	12.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.6	18.4	16.1	17.6	19.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.59	2.86	3.21	20.2	16.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.2	11.5	(2.13)	3.09	6.21
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	2.45	10.2	2.41	15.3	18.3
Tăng trưởng LNTT (%)	19.9	15.7	1.91	16.7	18.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	19.5	16.2	1.00	16.6	18.3

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.31	3.20	2.81	2.81	2.89
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.13)	(1.11)	(0.94)	(0.87)	(0.83)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	94.5	94.4	96.0	96.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.51	2.69	2.64	2.85	3.16
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.1	20.5	20.1	22.7	26.1

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	17.3	14.9	14.9	13.0	11.3
P/B (lần)	3.19	2.69	2.36	2.05	1.77
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.83	0.83	0.92

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.7	31.2	31.2	32.7	33.8
ROAA (%)	0.98	1.00	0.88	0.92	0.98
ROAE (%)	20.0	19.6	16.9	16.9	16.8
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	3.44	3.35	3.62	3.83
Lợi suất góp BQ (%)	7.29	5.78	5.46	5.80	6.07
Lợi suất thuần (%)	2.54	2.34	2.11	2.18	2.24
Tỷ lệ NIM (%)	2.69	2.43	2.18	2.32	2.40
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.97	8.73	8.22	8.30	8.13
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.0	71.6	73.2	79.2	80.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.1	19.7	18.5	12.5	11.6
Tỷ lệ CIR (%)	34.2	34.5	33.5	31.0	28.8
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	12.3	10.7	10.3

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.40	9.20	9.08	9.61	10.3
VCSH/Tổng TS (%)	5.13	5.06	5.31	5.58	6.00
Đòn bẩy vốn (lần)	19.5	19.8	18.8	17.9	16.7

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.26	1.41	1.60	2.25	2.15
Hệ số LLR (%)	181	131	106	69.2	69.0

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	105	106	106	106
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	8.78	9.77	8.35	7.53	6.83
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	77.3	74.5	77.4	78.9	80.1

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,198	1,234	1,271	1,309	1,348
Số lượng nhân viên	29,233	30,110	31,013	31,943	32,902

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn